1. Một hàm thuần ảo được xác định bằng việc đặt \_\_\_\_\_\_\_ vào cuối khai báo hàm trong định nghĩa lớp
   1. = 0
   2. !=0
   3. 0
2. Nếu một lớp chứa một hoặc nhiều hàm thuần ảo, nó là \_\_\_\_\_\_\_\_\_
   1. lớp dẫn xuất
   2. lớp trừu tượng
   3. lớp cơ sở
3. Lời gọi hàm được thực hiện lúc biên dịch, có liên quan tới liên kết \_\_\_\_\_\_\_\_
   1. động
   2. tĩnh
4. Lời gọi hàm được thực hiện lúc runtime, có liên quan tới liên kết \_\_\_\_\_\_\_\_
   1. động
   2. tĩnh
5. Tất cả các hàm ảo trong lớp cơ sở trừu tượng phải được khai báo là hàm thuần ảo
   1. Đúng
   2. Sai
6. Chọn câu sai:
   1. Hàm ảo được khai báo với từ khoá “virtual” trước tên hàm trong lớp cơ sở
   2. Liên kết động là quá trình một hàm thông qua con trỏ lớp cơ sở lúc runtime quyết định gọi hàm ảo lớp dẫn xuất nào
   3. Các constructor có thể khai báo là virtual
   4. Các lớp trừu tượng có thể được dùng cho kế thừa
7. Chọn câu sai:
   1. Bất kỳ destructor nào trong cây kế thừa cũng có thể khai báo là virtual
   2. Khi một lớp có chứa hàm ảo được biên dịch, một bảng hàm ảo được tạo ra cho lớp đó
   3. Tính đa hình cho phép các đối tượng của các lớp mới được thêm vào hệ thống một cách linh động
   4. Hàm thuần ảo có giá trị khởi đầu khác 0
8. Lớp trừu tượng(abstract class) có bao nhiêu thể hiện(instance)
   1. 1
   2. 5
   3. 4
   4. 0
9. Lớp cơ sở trừu tượng là lớp
   1. Được khai báo trong lớp khác
   2. Tất cả các phương thức của nó là ảo (virtual)
   3. Ít nhất cũng chứa 1 hàm ảo (virtual)
   4. Chứa 1 hàm ảo thuần túy (pure virtual function)
10. Đa hình vào thời điểm RunTime được thực hiện qua
    1. Hàm bạn (friend function)
    2. Hàm ảo (virtual function)
    3. Nạp chồng toán tử (operator overloading)
    4. Nạp chồng hàm (function overloading)